

Bản án số: 03/2019/DS-PT

Ngày 21-01-2019

V/v: “Đòi bồi thường thiệt hại theo Luật
trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu.

Ông Trương Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Điệp – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 16 và ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc “Đòi bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DSST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2018/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2018 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số 02/2019/TB-TA ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn N1, sinh năm 1940; địa chỉ: Số A đường B, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Ánh S, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A đường B, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. “Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2018” (có mặt).

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu; địa chỉ: Số B đường K, phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn L, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Sỹ P, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường “*Văn bản chỉ định số 5998/UBND – VP ngày 16 tháng 10 năm 2018*” (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường 11, thành phố Vũng Tàu; địa chỉ: Số B đường B, Phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê H, chức vụ: Chủ tịch UBND Phường 11 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Duy C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND Phường 11 “*Giấy ủy quyền số 122/GUQ – UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018*” (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1951; địa chỉ: số C đường B, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1942; địa chỉ: Số A đường B, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Trần Ánh S, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A đường B, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu “*Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 10 năm 2018*” (có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Lê Văn N1 và bị đơn là Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Trần Ánh S là đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B trình bày:

Năm 1974, ông Lê Văn N1 nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị P diện tích đất 7.200m² (sau khi đo đạc thì diện tích còn lại là 6.200m²); đất tọa lạc tại kênh Công Đồng Sát A, Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Năm 1993, ông N1 chuyển nhượng cho bà Lê Thị Kim K và ông Trần Ánh S diện tích đất 2.000m². Ông S, bà K quản lý, sử dụng, canh tác và đăng ký vào sổ mục kê thửa số 99, Tờ bản đồ 37, diện tích 3.050m²; ông N1 đăng ký thửa số 98, Tờ bản đồ số 37, diện tích 3.150m². Năm 1993, ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P diện tích đất 3.000m². Tuy nhiên, UBND Phường 11 xác nhận diện tích không lên thành 3.950m² rồi UBND thành phố Vũng Tàu xác nhận tăng lên thành 5.593m². Do đó, hành vi của cán bộ công chức thuộc UBND thành phố Vũng Tàu là sai trái gây thiệt hại cho gia đình ông S, ông N1 2.593m² đất; trong đó, diện tích của ông S là 2.000m² thì UBND thành phố Vũng Tàu đã thỏa thuận bồi thường xong; diện tích đất của ông N1 thiệt hại là 593m² thì chưa được bồi thường.

Nay ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cụ thể các khoản sau:

a. Giá trị 593m² đất theo giá 2.600.000đồng/m² thành tiền là: 1.541.800.000đồng;

b. Bồi thường hoa lợi trên đất mỗi năm thu hoạch: 25.000.000đồng x 24 năm = 600.000.000đồng;

c. Bồi thường chi phí đi lại khiếu kiện và thu nhập bị mất: 40.000.000đồng;

d. Bồi thường tổn thất về sức khỏe và tinh thần 50.000.000đồng;

e. Bồi thường chi phí in ấn giấy mực hồ sơ khởi kiện 20.000.000đồng;

f. Bồi thường chi phí trưng cầu giám định 10.500.000đồng;

g. Chi phí đo vẽ, định giá 2.924.300đồng.

2. Ý kiến của UBND thành phố Vũng Tàu tại Công văn số 6579/UBND-TP ngày 06-11-2017 và quá trình tham gia tố tụng, ông Hồ Sỹ P là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Vũng Tàu trình bày:

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N1 với Công ty TNHH P được UBND Phường 11 xác nhận ngày 08-10-2013 có ghi rõ diện tích chuyển nhượng 3.950m². Văn bản này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám định và xác định không có sự tẩy xóa đối với phần chữ viết ghi 3.950m². Ông N1 ký xác nhận vào hợp đồng thể hiện ý chí thỏa thuận của các bên giao dịch vì thế việc ông N1 cho rằng ông N2 ghi không diện tích dẫn đến thiệt hại cho ông N1 là không có cơ sở. Vì vậy, UBND thành phố Vũng Tàu không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B. Đối với sai phạm của ông Bình xác nhận tăng diện tích làm mất đất của ông S, bà K thì UBND thành phố Vũng Tàu đã bồi thường cho ông S, bà K. Diện tích đất mà ông N1 yêu cầu bồi thường nếu đủ căn cứ xác định ông N2 sai phạm thì trách nhiệm bồi thường thuộc UBND Phường 11 vì ông N2 là cán bộ địa chính phường 11.

Theo quy định của pháp luật cũng như Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì việc yêu cầu bồi thường chỉ được giải quyết khi có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định diện tích 593m² đất mà ông Lê Văn N1 đòi bồi thường là của ai, ở đâu, đất thuộc thửa, tờ bản đồ, địa bàn nào. Hồ sơ pháp lý của thửa đất, quá trình sử dụng, xác định thiệt hại, xác định tổ chức và cá nhân gây thiệt hại cho ông Lê Văn N1. Hiện tại chưa có văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định những vấn đề này nên UBND thành phố Vũng Tàu không phải là bị đơn theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1.

3. Ý kiến của Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố Vũng Tàu trình bày:

Ngày 06-9-2016, UBND thành phố Vũng Tàu có ban hành Thông báo số 464/TB-UBND về việc kết luận thanh tra, kiểm tra làm rõ về hành vi, trách nhiệm, hậu quả trong khi thi hành công vụ của cơ quan, cá nhân trong việc xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Lê Văn N1 cho Công ty TNHH P; tổ chức thi hành Bản án số 10/2015/HCPT ngày 09-02-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; trách nhiệm bồi thường của các tổ chức, cá nhân sai

phạm và các biện pháp xử lý khắc phục. UBND Phường 11 đồng ý với toàn bộ ý kiến của UBND thành phố Vũng Tàu nên đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N2 trình bày:

Năm 1993, ông N2 là cán bộ địa chính Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Ông N2 có xử lý hồ sơ xin chuyển nhượng đất của ông Lê Văn N1 cho Công ty TNHH P. Thực tế phần đất của ông N1 có khoảng 3.000m²; ông N1 đã chuyển nhượng hết cho Công ty TNHH P; ông N1 không còn mét vuông nào trên khu vực đó. Nguyên nhân có sai sót từ phường đến thành phố trong vụ án này nằm trong vụ án của ông Trần Ánh S đã được giải quyết xong.

5. Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B đối với UBND thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc “Yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

UBND thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B các khoản sau:

- Tiền giá trị quyền sử dụng đất: 323.700.000 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng)

- Tiền hoa lợi và thu nhập bị mất: 30.024.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tổng số tiền mà UBND thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm bồi thường cho ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B là: 353.724.000 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B đối với các khoản: Chi phí đi lại, bồi thường tổn thất sức khỏe, tinh thần; chi phí in ấn giấy mực hồ sơ khởi kiện; chi phí đo vẽ, định giá, giám định.

Chi phí định giá: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) thì ông Lê Văn N1, bà Nguyễn Thị B và UBND thành phố Vũng Tàu mỗi bên chịu ½. Do đó, UBND thành phố Vũng Tàu phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho ông N1.

6. Ngày 10 tháng 8 năm 2018, ông Lê Văn N1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu để buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường thêm cho ông N1, bà B diện tích đất 443m² thuộc thửa 99, Tờ bản đồ 37 tại Phường 11, thành phố Vũng Tàu có giá trị 995.994.000 đồng.

7. Ngày 17 tháng 8 năm 2018, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu với nội dung như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường cho ông N1, bà B theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. UBND thành phố Vũng Tàu không phải bồi thường cho ông N1, bà B số tiền 353.724.000 đồng và không phải trả tiền chi phí định giá là 1.500.000 đồng. Lý do là: Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông N1 với Công ty TNHH P được UBND Phường 11 xác nhận ngày 08-10-1993 có ghi rõ diện tích chuyển nhượng 3.950m². Văn bản này đã được Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám định và xác định không có sự tẩy xóa đối với phần chữ viết ghi 3.950m². Ông N1 ký xác nhận vào hợp đồng thể hiện ý chí thỏa thuận của các bên giao dịch vì thế việc ông N1 cho rằng ông N2 ghi không diện tích dẫn đến thiệt hại cho ông N1 là không có cơ sở.

8. Ngày 24 tháng 8 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu kháng nghị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm với những nội dung sau:

Xác định diện tích đất mà ông N1, bà B bị thiệt hại là 593m² chứ không phải 150m² như bản án sơ thẩm xác định. Tính lại giá trị quyền sử dụng đất ông N1 bị thiệt hại tương ứng với diện tích đất thiệt hại là 593m².

Xác định hoa lợi, thu nhập của ông N1 bị mất đối với diện tích đất 593m² từ tháng 4/2004 để giải quyết việc bồi thường cho phù hợp.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Niên về chi phí in ấn, giấy, mực hồ sơ khiếu kiện cho ông N1 là không thỏa đáng nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính toán lại.

9. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N1, UBND thành phố Vũng Tàu vẫn giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Các bên đương sự không thương lượng được với nhau về các vấn đề tranh chấp và không cung cấp thêm chứng cứ mới. Ông N2 xác nhận là ông N1 ký vào “*Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền với đất*” nhưng nội dung trong đơn này là do ông N2 viết giùm cho ông N1. Lúc đó, ông N1 nói là ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P hết diện tích đất là 3.000m² nhưng không nhớ lý do gì mà ông N2 ghi vào đơn là 3.950m² vì quá lâu rồi.

10. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và kháng cáo của ông Lê Văn N1 để sửa bản án sơ thẩm. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Lê Văn N1 và UBND thành phố Vũng Tàu nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và UBND thành phố Vũng Tàu đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông N1 không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên đơn kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu và ông N1 là hợp lệ.

[2]. Quyết định kháng nghị số 02/2018/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đúng quy định tại các Điều 278, 279, 280, 281 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[3]. Xét sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn L vắng mặt nhưng ông L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê H vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Bùi Duy C và ông C có mặt nên phiên tòa xét xử vắng mặt ông L, ông H là đúng quy định tại Điều 228, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 3187/HSST ngày 24-12-1998 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự phúc thẩm số 05/HSPT ngày 02-01-2000 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với Tăng Minh P đã quyết định giao cho Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ngoại thương Việt Nam diện tích đất 5.593m² thuộc thửa 98, 99; Tờ bản đồ số 37 kênh Công Đồng Sát A, Phường 11, thành phố Vũng Tàu để bán đấu giá thu hồi nợ. Việc Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng ngoại thương Việt Nam bán đấu giá diện tích đất này là thực hiện theo bản án đã có hiệu lực pháp luật. Việc ông C nhận chuyển nhượng đất này theo hình thức bán đấu giá theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản bán đấu giá ngày 24-02-2004 đối với toàn bộ diện tích đất 5.593m² là đúng quy định của pháp luật nên được bảo vệ. Ngày 30-12-2004, UBND thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 338124 cho ông Nguyễn Tất C diện tích 5.593m², thửa 26527.37 (cũ 98, 99), Tờ bản đồ 37 Phường 11, thành phố Vũng Tàu là đúng quy định của pháp luật. Ông S, bà K, ông N1 khiếu nại nhiều nơi đòi lại diện tích đất 2.593m² nhưng chưa được giải quyết. Ông S, bà K khởi kiện yêu cầu ông C trả lại đất. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DSST ngày 27-01-2010 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu (Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DSST) xử buộc UBND thành phố Vũng Tàu phải bồi thường cho ông S, bà K số tiền 985.800.000 đồng đối với diện tích đất 1.643m². Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 35/2010/DSPT ngày 02-7-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Bản án dân sự phúc thẩm số 35/2010/DSPT) sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DSST để xử buộc ông N1 phải bồi thường cho ông S, bà K 2000m² đất với số tiền 1.200.000.000 đồng. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 33/2012/DS-GĐT ngày 18-01-2012 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối cao hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2010/DSST và Bản án dân sự phúc thẩm số

35/2010/DSPT giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

[2]. Ông S, bà K khiếu nại và yêu cầu UBND thành phố bồi thường thiệt hại đối với diện tích đất 2.000m². Ngày 21-9-2012, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định hành chính số 2671/QĐ-UBND có nội dung bác đơn của ông S, bà K về việc yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường. Ông S, bà K khởi kiện vụ án hành chính. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 10/2015/HCTP ngày 09-02-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhận định: Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu xác nhận diện tích đất ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P từ 3.950m² lên 5.593m² là hành vi trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định hành chính số 2671/QĐ-UBND ngày 21-9-2012 của UBND thành phố Vũng Tàu là có căn cứ. Ông S, bà K có quyền yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu thực hiện việc bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[3]. Ông S, bà K nộp hồ sơ yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. UBND thành phố Vũng Tàu tổ chức việc thương lượng bồi thường với ông S, bà K và đi đến thống nhất là UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường cho ông S, bà K 2.000m² đất và các chi phí khác với tổng số tiền 4.540.855.800 đồng. Ngày 05-7-2017, Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định số 3290/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước cho ông S, bà K với số tiền 4.540.855.800 đồng.

[4]. Ông N1 yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường diện tích đất 593m² và các chi phí liên quan nhưng không được chấp nhận nên ông N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu buộc UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đối với diện tích đất 593m² và các chi phí liên quan. Diện tích đất 593m² mà ông Lê Văn N1 yêu cầu UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường là một phần trong tổng diện tích đất 5.593m² thuộc thửa 26527.37 (cũ 98, 99), Tờ bản đồ 37 Phường 11, thành phố Vũng Tàu. Diện tích đất này hiện do ông C đang sử dụng và đã được UBND thành phố Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 338124 ngày 30-12-2004 cho ông Nguyễn Tất C.

Theo Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền việc sử dụng đất không ghi ngày, tháng, năm có nội dung là ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P diện tích đất 3.950m² thì ông N1 thừa nhận là do ông N1 ký nhưng nội dung trong đơn do ông N2 viết. Ngày 08-10-1993, UBND Phường 11 xác nhận ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P 3.950m² để chuyển UBND thành phố Vũng Tàu giải quyết. Ông N1 cho rằng ông N1 chỉ chuyển nhượng cho Công ty TNHH P 3.000m² đất nhưng ông N2 - Cán bộ địa chính Phường 11 ghi không lên 3.950m². Những người làm chứng gồm: Ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị Thu H đều không có quyền lợi gì liên quan đến việc ông N1 chuyển nhượng đất nhưng xác nhận là cùng ông N1 đi đo đất trong khi đó ông N1 không thừa nhận tham gia

việc đo đất để làm thủ tục giao đất cho Công ty TNHH P. Ông N1 không ký vào Biên bản đo vẽ hiện trường đất chuyển nhượng. Kết quả giám định đã xác định là chữ ký Lê Văn N1 dưới mục “Người giao đất” trên “Biên bản đo vẽ hiện trường” ngày 07-2-1994 không phải do ông N1 ký. Hơn nữa, từ ngày ông N1 chuyển nhượng đất cho đến ngày những người làm chứng xác nhận (tháng 12-1999) là hơn 5 năm nên việc làm chứng này không đủ cơ sở để tin cậy. Tại Bản kết luận giám định số 656B/GĐ (PC21) ngày 18-11-2009 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận: Chữ số “3.950” ở dòng “có diện tích là” (trang 1); dòng: Nay đồng ý chuyển nhượng ...có diện tích là 3.950 (trang 2); số “3.950” dưới mục “ý kiến của UBND phường xã” (trang 3) trên “Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền việc sử dụng đất” ngày 08 tháng 10 năm 1993 (ký hiệu M7) không bị tẩy xóa, sửa chữa.

[5]. Về nguyên tắc thì Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền việc sử dụng đất phải do ông N1 viết và ký. Ông N1 ký vào đơn còn nội dung đơn thì ông N1 nhờ ông N2 viết nhưng ông N1 cũng phải chịu trách nhiệm với nội dung đơn của mình. Ông N2 viết giùm đơn cho ông N1 không phải là nhiệm vụ công vụ mà nhà nước giao cho ông N2 thực hiện. Căn cứ theo đơn của ông N1, UBND Phường 11 xác nhận ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P 3.950m² là đúng yêu cầu của ông N1. Vì vậy, thực sự có việc ông N2 viết sai trong đơn của ông N1 là trách nhiệm cá nhân của ông N2 với ông N1 chứ không thuộc trách nhiệm của UBND phường 11 nên UBND thành phố Vũng Tàu không phải bồi thường cho ông N1.

Hơn nữa, Thông báo kết luận thanh tra số 464/TB-UBND ngày 06-9-2016 của UBND thành phố Vũng Tàu (Thông báo số 464/TB-UBND) kết luận về sai phạm của cá nhân, đơn vị trong quá trình lập thủ tục chuyển nhượng đất của ông Lê Văn N1 cho Công ty TNHH P xác định ông Nguyễn Văn N2 – Cán bộ địa chính phường 11 đã lạm dụng chức vụ quyền hạn để xác nhận không diện tích đất ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P từ 3.000m² lên 3.950m². Ông Nguyễn Văn B – Cán bộ phòng Kinh tế (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu) đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn để xác nhận không diện tích đất mà ông N1 chuyển nhượng cho Công ty TNHH P từ diện tích 3.950m² (theo xác nhận của ông N2) lên diện tích 5.593m². Đây là kết luận thanh tra về sai phạm của ông N2 và ông Bình. Sai phạm này thuộc lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính theo quy định tại Điều 13 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Vì vậy, việc ông N1 khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý, xét xử buộc UBND thành phố Vũng Tàu phải bồi thường cho ông N1 theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là không đúng các điều kiện khởi kiện theo quy định tại các Điều 13, 15, 16 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[6]. Việc ông N2 xác nhận ông N1 chỉ chuyển nhượng cho Công ty TNHH P 3.000m² đất nhưng ông N2 viết vào đơn chuyển nhượng 3.950m² thì ông N1 có quyền khởi kiện yêu cầu ông N2 bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật dân sự.

[7]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất sửa Bản án sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N1 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm. Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N1.

[8]. Chi phí tố tụng (định giá) 3.000.000đồng thì ông Lê Văn N1 phải nộp và ông N1 đã nộp đủ.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 64 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì ông N1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. UBND thành phố Vũng Tàu không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm vì kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Điều 228; Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 13, 15, 16, 64 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N1 và không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Vũng Tàu.

Sửa Bản án sơ thẩm số 51/2018/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N1 đối với UBND thành phố Vũng Tàu về việc đòi UBND thành phố Vũng Tàu bồi thường cho ông N1 theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

UBND thành phố Vũng Tàu không phải bồi thường cho ông Lê Văn N1 và bà Nguyễn Thị B theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và không phải nộp chi phí định giá để hoàn trả cho ông Lê Văn N1.

2. Chi phí tố tụng: Ông Lê Văn N1 phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí định giá và ông N1 đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Lê Văn N1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà UBND thành phố Vũng Tàu đã

nộp theo biên thu số 0004337 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKS nhân dân thành phố Vũng Tàu
- Chi cục THA thành phố Vũng Tàu;
- TAND thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu